

Bản án số: 270/2024/DS-PT

Ngày: 21.6.2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản và thừa kế tài sản”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

**- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thị Phương Thanh

*Các thẩm phán:* Bà Trần Thị Thanh Giang  
Ông Võ Bảo Anh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trí Khương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:** Ông Trần Thanh Vũ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 và 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án thụ lý số 351/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản và thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 142/2023/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 211/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Bà Nguyễn Thanh L, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: Số F, đường số B (nay là đường T), khu T, khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971 (có mặt)

3. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1958 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số H H, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Quốc V, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số I Q, khu V, P. X, Q. N, thành phố Cần Thơ (có mặt)

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Bùi Phương B, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: B, KV T, P. L, Q. C, Tp ..

2. Bà Trần Dung H, sinh năm 1986. Địa chỉ: A, đường T, P. H, Q. N, Tp . (có mặt).

3. Bà Bùi Thị Kim L1. Địa chỉ: B, KV T, P. L, Q. C, Tp . (xin vắng mặt).

4. Ông Trần Vĩnh T2. Địa chỉ: A, đường T, P. H, Q. N, Tp ..

Đại diện hợp pháp: bà Trần Dung H.

- *Người kháng cáo:* ông Nguyễn Quốc V là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Nguyên đơn bà L1, bà T và bà T1 trình bày nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau: Sinh thời cha, mẹ các bà là ông Nguyễn Văn C (mất năm 1998) và bà Châu Thị H1 (mất năm 2021) có tạo lập được 01 QSD đất và 01 căn nhà trên đất. Đến năm 2002 thì bà H1 đi đăng ký và được UBND quận N cấp Giấy chứng nhận QSD đất số 93/2002 ngày 09/9/2002 thửa 365, tờ bản đồ số 04, diện tích 118,3m<sup>2</sup>. Ngày 23/6/2003 chuyển nhượng cho ông Đào Công M và bà Võ Ngọc H2 Chi diện tích 56,1m<sup>2</sup>; Ngày 07/11/2008 thì tặng cho bà Nguyễn Thị T1 diện tích 14,40m<sup>2</sup>. Diện tích còn lại của thửa 365 là 47,8m<sup>2</sup> và căn nhà trên đất. Ông Nguyễn Văn C và bà Châu Thị H1 có tất cả 08 người con trong đó có ông Nguyễn Văn B1 và ông Nguyễn Văn C1 đều đã chết và không có vợ con. 06 người con còn lại là:

- Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1958.

- Bà Nguyễn Thanh L, sinh năm 1967.

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971.

- Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1960. Ông N mất ngày 23/5/2003 và có 01 người con tên Nguyễn Quốc V.

- Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1964. Ông T3 mất ngày 08/5/2016 và có 01 người con tên Nguyễn Bùi Phương B.

- Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1965. Bà D mất ngày 03/10/2017 và có 01 người con tên Trần Dung H.

Các nguyên đơn yêu cầu chia di sản thành 06 phần bằng nhau. Trường hợp Tòa chấp nhận yêu cầu phân tố của Nguyễn Quốc V thì phần di sản còn lại của bà H1 các bà yêu cầu chia ra làm 05 phần vì V đã được 20m<sup>2</sup> đất nên không chia phần cho V nữa. Yêu cầu trích 01 phần cho người thờ cúng bà H1. Sẽ cử bà Nguyễn Thị T1 làm người thờ cúng bà H1, bà T1 sẽ quản lý tiền này.

\* Trước yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, bị đơn ông V có ý kiến và phản tố như sau: thống nhất ông, bà nội là ông Nguyễn Văn C (mất năm 1998) và bà Châu Thị H1 (mất năm 2021) có tạo lập được 01 QSD đất và 01 căn nhà trên đất. Đến năm 2002 thì bà H1 đi đăng ký và được UBND quận N cấp Giấy chứng nhận QSD đất số 93/2002, ngày 09/9/2002, thửa 365, diện tích hiện còn lại là

47,8m<sup>2</sup> và căn nhà trên đất. Khi còn sống bà H1 có lập giấy cho đất và nhà vào ngày 20/3/2002 cho cha ông là Nguyễn Văn N 20m<sup>2</sup> đất và căn nhà thờ trên đất. Giấy cho đất có người làm chứng và có xác nhận của Ban nhân dân khu vực 2. Trước khi ông N mất thì ông N có làm di chúc để lại 20m<sup>2</sup> đất này cho ông. Trước yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông không đồng ý. Ông có yêu cầu phản tố công nhận cho ông 20m<sup>2</sup> đất và nhà trên đất mà bà H1 đã cho ông N, phần còn lại ông yêu cầu chia di sản thành 06 phần bằng nhau. Không đồng ý yêu cầu trích 01 phần tiền để thờ cúng bà H1 vì ông cũng thờ bà H1.

\* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến như sau:

- Bà Trần Dung H trình bày: Bà là con của bà Nguyễn Thị D, mất năm 2017. Thống nhất ông bà ngoại là Nguyễn Văn C (mất năm 1998) và bà Châu Thị H1 (mất năm 2021) có tạo lập được 01 QSD đất và 01 căn nhà trên đất. Đến năm 2002 thì bà H1 đi đăng ký và được UBND quận N cấp Giấy chứng nhận QSD đất số 93/2002, ngày 09/9/2002, thửa 365 và căn nhà trên đất. Nếu giấy cho đất từ bà H1 cho ông N mà ông V cung cấp là hợp pháp thì bà đồng ý tách phần đất đó ra cho ông V, phần còn lại yêu cầu chia theo pháp luật. Tuy nhiên đối với yêu cầu trích 01 phần tiền để thờ cúng bà H1 bà cũng không đồng ý vì tới đám giỗ các con cháu đều hùn tiền vào để làm đám cúng.

- Ông Nguyễn Bùi Phương B trình bày: Ông là con của ông Nguyễn Văn T3, mất năm 2016. Thống nhất ông bà nội là Nguyễn Văn C (mất năm 1998) và bà Châu Thị H1 (mất năm 2021) có tạo lập được 01 QSD đất và 01 căn nhà trên đất. Ba ông Đ năm 2002 thì bà H1 đi đăng ký và được UBND quận N cấp Giấy chứng nhận QSD đất số 93/2002, ngày 09/9/2002, thửa 365 và căn nhà trên đất. Nếu giấy cho đất mà ông V cung cấp là hợp pháp ông đồng ý tách phần đất đó ra cho ông V, phần còn lại yêu cầu chia theo pháp luật. Tuy nhiên đối với yêu cầu trích 01 phần tiền để thờ cúng bà H1 ông không đồng ý vì tới đám giỗ các con cháu đều hùn tiền vào để làm đám cúng.

\* Vụ việc hòa giải không thành nên được đưa ra xét xử sơ thẩm công khai. Tại Bản án sơ thẩm số 142/2023/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều xét xử và quyết định như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh L, bà Nguyễn Thị T1 và bà Nguyễn Thị T.

1.1 Tuyên bố: Di sản của bà Châu Thị H1 gồm 45,3m<sup>2</sup> loại đất ODT, thửa 365 và căn nhà trên đất tại địa chỉ: Số H H, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Di sản của bà Châu Thị H1 được chia thành 06 kỹ phần bằng nhau.

1.2 Bà Nguyễn Thanh L, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Quốc V, ông Nguyễn Bùi Phương B và bà Trần Hạnh D1, mỗi người sẽ được nhận 01 kỹ phần tương đương 16,666% giá trị di sản. Việc chia giá trị sẽ được thực hiện ở giai đoạn Thi hành án.

2. Bác yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Quốc V về việc công nhận cho ông 20m<sup>2</sup> đất và nhà trên đất trong khối di sản do bà H1 chết để lại.

3. Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí dân sự, chi phí định giá và quyền kháng cáo của các đương sự.

\* Ngày 19 tháng 7 năm 2023, bị đơn ông V kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của ông.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không đồng ý kháng cáo của bị đơn ông V

- Bị đơn ông V giữ nguyên yêu cầu phản tố và kháng cáo.

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan giữ nguyên yêu cầu và ý kiến.

\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Qua tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm và xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở chấp nhận phản tố và kháng cáo của bị đơn, yêu cầu của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có cơ sở chấp nhận một phần.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Việc vắng mặt người liên quan bà L, ông T2, xét bà L có yêu cầu vắng mặt, ông T2 có đại diện nên tiến hành xét xử quyết vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông V:

[2.1] Qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, thấy rằng, trong vụ án này, ngoài yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn, bên cạnh đó, còn có yêu cầu của phản tố bị đơn yêu cầu công nhận một phần đất 20m<sup>2</sup> nằm trong diện tích đất 45,3m<sup>2</sup> mà các nguyên đơn yêu cầu nên cần xem xét việc tặng cho giữa bà H1 với ông N (là cha của bị đơn V) có hiệu lực được công nhận hay không, từ đó xác định di sản còn lại những gì mới chia theo yêu cầu của đương sự.

[2.2] Xét việc tặng cho đất giữa bà H1 và ông N. Xét phần đất các đương sự là những người thừa kế đều xác định có nguồn gốc là của ông Nguyễn Văn C và bà Châu Thị H1 nhận chuyển nhượng. Ông C mất năm 1998, đến năm 2002 thì bà H1 đi đăng ký và được UBND quận N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 93/2002 ngày 09/9/2002 thửa 365, diện tích còn lại là 47,8m<sup>2</sup> và căn nhà trên đất. Thực tế đo đạc còn lại 45,3m<sup>2</sup>, các đương sự thống nhất số liệu này. Vào ngày 20/3/2002, bà H1 có văn bản cho ông Nguyễn Văn N 20m<sup>2</sup>, bà H1 có ký tên, có ông Hoàng Hữu T4 là Trưởng ban nhân dân khu vực 2, phường A ký làm chứng. Các nguyên đơn có lúc lại cho rằng đi hỏi người ta mới biết việc tặng cho này không hợp pháp, tức là không được công chứng chứng thực nên không đồng ý,

chứ không hoàn toàn phủ nhận ý chí của bà H1 đã tặng cho ông N, và ý chí của của bà H1 lại được chính ông Hoàng Hữu T4 xác nhận làm chứng có việc bà H1 nhờ ông làm chứng việc tặng cho đất ông N. Ông N thực tế đã nhận đất ở. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 24/11/2023, các nguyên đơn đều thừa nhận đúng là chữ ký bà H1 trong giấy cho đất, còn những người liên quan bà D1, ông B cũng xác định nếu như hợp pháp thì công nhận là cũng đồng nghĩa với việc xác định rằng bà H1 có làm tặng cho đất ông N. Tuy việc tặng cho không tuân thủ theo hình thức là công chứng chứng thực và chưa đăng ký với cơ quan có thẩm quyền, nhưng ý chí của bà H1 đã tặng ông N là không thay đổi cho đến khi qua đời cần tôn trọng ý chí của bà H1. Thực tế ông N đã ở trên nhà, đất được tặng cho cùng bà H1 cho đến khi mất được các nguyên đơn xác định tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay. Còn việc ông N không đi đăng ký quyền sử dụng là do bệnh, một năm sau khi được tặng cho tháng 3/2022 cũng đã qua đời tháng 5/2023 là do khách quan, nên cần công nhận việc tặng cho đất giữa bà H1 và ông N. Khi ông N mất thì có di chúc cho ông V phần nhà đất này, di chúc ông N tự viết và ký tên nên được xem là hợp pháp theo quy định Điều 655 Bộ luật Dân sự 1995. Do đó, yêu cầu kháng cáo của ông V công nhận cho ông diện tích đất 20m<sup>2</sup> và căn nhà thờ là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Diện tích thực tế đất 45,3m<sup>2</sup>, cần xác định đây là tài sản của chung của ông C và bà H1 bởi các thừa kế đều xác định: ông bà nhận chuyển nhượng từ người khác, việc ông C mất trước khi cấp giấy nên khi bà H1 đăng ký quyền sử dụng đất thì tất nhiên là cấp cho bà H1 là người còn sống, nhưng quyền sử dụng của ông C là vẫn đảm bảo không mất đi. ½ là của ông C 22,65m<sup>2</sup>, bà H1 22,65m<sup>2</sup>. Bà H1 đã tặng cho ông N 20m<sup>2</sup> nên phần của bà còn lại 2,65m<sup>2</sup>, bà H1, ông C qua đời không để lại di chúc nên xác định di sản chia theo pháp luật.

[2.4] Do ông C mất 1998, sau đó các thừa kế hàng thứ nhất ông C mất gồm: ông N, ông T3, bà D1 nên xác định thừa kế thứ nhất của ông N là ông V, không có vợ ông N do đã ly hôn; hàng thừa kế thứ nhất của ông T3 gồm bà Bùi Thị Kim L1 (vợ) và ông Nguyễn Bùi Phương B (con), bà L1 có ý kiến không hưởng phần di sản của ông T3 mà giao toàn bộ cho ông B; hàng thừa kế thứ nhất của bà D1 gồm ông Trần Vĩnh T2 (chồng) và Trần Dung H (con), ông T2 ủy quyền cho bà D1 thống nhất giao phần di sản được hưởng cho bà Dung H. Do bà H1 mất năm 2021 nên xác định các thừa kế gồm: bà L1, bà T, bà T1, ông N (mất 2003, có con thừa kế thế vị là Quốc V), ông T3 (mất 2016, có con thừa kế thế vị là Phương B), bà D1 (mất 2017, có con thừa kế thế vị là Dung H).

[2.5] Về việc phân chia: Như trên nhận định tại mục [2.2] công nhận cho ông N 20m<sup>2</sup> đất và nhà mà bà H1 tặng cho ông N, đồng thời, ông V có ý kiến nếu được công nhận 20m<sup>2</sup> cho ông thì ông nhận toàn bộ nhà (nhà thờ) và đất và đồng ý trả giá trị di sản còn lại cho các thừa kế của bà H1 và ông C và ông sẽ lo thờ cúng ông, bà. Xét thấy, diện tích đất nhỏ chỉ 45,3m<sup>2</sup> nên giao cho ông V được quyền sử dụng luôn phần nhà đất 25,3m<sup>2</sup> còn lại và có nghĩa vụ trả giá trị cho các thừa kế là phù hợp. Tại biên bản định giá thì phần đất có giá trị 37.883.000 đồng/m<sup>2</sup> (làm tròn), diện tích công nhận cho ông V 20m<sup>2</sup> còn lại 25,3m<sup>2</sup> x

37.883.000 đồng = 958.439.900 đồng, giá trị nhà ở 43.837.000 đồng (làm tròn), tổng giá trị di sản nhà đất là 1.002.276.900 đồng.

[2.6] Yêu cầu của các nguyên đơn được giữ lại 01 kỷ phần để làm đám giỗ ông, bà, đề nghị giao cho bà T1 giữ nhưng các thừa kế gồm ông V, ông B, bà Dung H không thống nhất vì tới làm đám thì các con cháu sẽ hùn tiền làm đám, do đó, yêu cầu của các nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận. Các thừa kế cũng xác định hiện không ai quản lý nhà đất, chỉ có các nguyên đơn, con cháu đến thắp nhang cho ông C, bà H1 nên không tính công sức đóng góp cho các thừa kế. Do đó, giá trị di sản còn lại 1.002.276.900 đồng sẽ chia cho các thừa kế 06 phần bằng nhau. Mỗi kỷ phần 167.046.000 đồng (làm tròn), buộc ông V có nghĩa vụ trả giá trị di sản cho các thừa kế gồm: bà T, bà T1, bà L1, ông B, bà H mỗi người 167.046.000 đồng.

[3] Với những nhận định trên nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa đúng một phần nên sửa theo hướng nhận định trên.

[4] Về chi phí đo đạc định giá: cấp sơ thẩm là 12.000.000 đồng, trích lục hồ sơ cấp phúc thẩm 92.000 đồng, tổng cộng 12.092.000 đồng. Mỗi đương sự phải chịu 2.015.000 đồng. Do bà L1 đã tạm ứng toàn bộ số tiền này nên bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Quốc V, ông Nguyễn Bùi Phương B và bà Trần Hạnh D1 mỗi người phải hoàn trả cho bà L1 2.015.000 đồng.

[5] Về phần án phí:

[5.1] Sơ thẩm: các đương sự phải chịu trên giá trị được hưởng, riêng bà T1 là người cao tuổi nên được miễn.

[5.2] Phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn ông V được chấp nhận nên không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

\*Căn cứ: - Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 655 Bộ luật Dân sự 1995;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

\*Tuyên xử: - Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Quốc V.

- Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 142/2023/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Nguyễn Thanh L, bà Nguyễn Thị T1 và bà Nguyễn Thị T.

1.1. Di sản của bà Châu Thị H1 và ông Nguyễn Văn C để lại gồm: 25,3m<sup>2</sup> loại đất ODT, thuộc một phần thửa 365 và căn nhà ở trên đất tại địa chỉ: Số H H, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ có giá trị 1.002.276.900 đồng. Di sản được

chia thành 06 kỹ phân bằng nhau.

1.2. Bà Nguyễn Thanh L, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Quốc V, ông Nguyễn Bùi Phương B và bà Trần Hạnh D1, mỗi người sẽ được nhận 01 kỹ phân tương đương 167.046.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Quốc V.

2.1. Công nhận cho ông V được sử dụng 45,3m<sup>2</sup> đất (loại đất ODT) và nhà trên đất. Ông V có nghĩa vụ trả lại cho các thừa kế gồm: Bà Nguyễn Thanh L, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Bùi Phương B và bà Trần Hạnh D1 mỗi người 167.046.000 đồng.

2.2. Sau khi ông V thực hiện nghĩa vụ trả lại giá trị cho các thừa kế thì được quyền sở hữu nhà và được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất nêu trên theo quy định (kèm theo Trích đo số 287/TTKTTNMT ngày 07/4/2023 của Trung tâm K).

3. Về chi phí đo đạc, định giá: bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Quốc V, ông Nguyễn Bùi Phương B và bà Trần Hạnh D1 mỗi người phải hoàn trả cho bà L 2.015.000 đồng.

4. Về án phí:

4.1. Dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thanh L, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Bùi Phương B, bà Trần Hạnh D1, ông Nguyễn Quốc V mỗi người phải chịu 8.352.000 đồng.

- Bà L và bà T được trừ vào tiền tạm ứng án phí 12.000.000 đồng mà bà L, bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000086 ngày 06/10/2022, số 0000085 ngày 06/10/2022. Bà T, bà L mỗi người được nhận lại 3.648.000 đồng.

- Ông Nguyễn Quốc V được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000522 ngày 04/01/2023. Ông V phải nộp thêm 8.052.000 đồng.

4.2. Dân sự phúc thẩm: Ông V không phải chịu, được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001364 ngày 20/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND TPCT;
- TAND Q. Ninh Kiều;
- Chi cục THADS Q. Ninh Kiều;
- Lưu hồ sơ vụ án.

*(Đã ký)*

**Hà Thị Phương Thanh**